

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HS-ST

Ngày: 25-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Bà Lê Kim Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Trinh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Trường T, sinh ngày 15/4/1991, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Nhựt T1 và con bà Nguyễn Thị T2; Chưa có vợ, con; Tiền án: 01 lần. Ngày 30/3/2021 Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 20/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc phải chấp hành chung cho các Bản án là 03 năm 06 tháng tù (theo Quyết định 01/2021/QĐ-THHP, ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ), chấp hành xong 01/02/2024; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/01/2008, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong 03/12/2008; Ngày 21/01/2017, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong 30/6/2017; Tạm giữ: Từ ngày 24/4/2024; Tạm giam: Từ ngày 30/4/2024; Có mặt.

- *Bị hại*: Lê Minh T3, sinh năm 1987; *Vắng mặt*.

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng Bùi Thị N, Nguyễn Hoàng N1, Phạm Minh Q, Lê Văn G; *Tất cả vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 24/4/2024 Bùi Trường T, điều khiển xe mô tô biển số 66L3-8419, nhãn hiệu SYM (của Bùi Thị N là chị ruột của T), đến Công an huyện H để nhận Căn cước công dân (làm trước đó), nhưng chưa có. Đến khoảng 09 giờ, T điều khiển xe mô tô theo hướng bên phà H-T về nhà, khi đến trụ sở Phòng Thông tin và truyền thanh huyện H thuộc khóm T, thị trấn T, huyện H, T thấy xe mô tô biển số 66G1-374.56, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng-xanh đang đậu không ai trông coi, còn cắm chìa khóa. Nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô, T điều khiển xe mô tô đến tiệm rửa xe của anh Phạm Minh Q (gần chợ T4) để gửi rửa xe tại đây (nhằm mục đích cất giấu phương tiện), sau đó T đi bộ đến vị trí xe mô tô (nhìn thấy trước đó), lấy trộm xe mô tô, điều khiển xe về nhà của anh Nguyễn Hoàng N1 (anh rể của T) thuộc ấp P, xã P B cất giấu. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày Tồn qua đò số 23 (từ P-thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang) đón xe buýt đi đến phà T-Hồ N để lấy xe mô tô, đã gửi rửa trước đó, thì bị lực lượng Công an bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 20/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 26/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 66G1-374.56, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter FI, màu sơn trắng xanh, số máy: E3S1E033043, số khung: 1340GY009181, đã qua sử dụng. Trị giá 6.500.000 đồng.

- 01 (một) ví da màu đen, đã qua sử dụng, không thu hồi được. Trị giá: 5.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị mất trộm: 6.505.000 đồng.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 (một) ví da màu đen, đã qua sử dụng, tài sản bị mất trộm của bị hại T3. Trong quá trình tàu thoát bị cáo T đã ném bỏ, Cơ quan điều đã truy tìm, nhưng không tìm được.

- 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 66G1-374.56, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter FI, màu sơn trắng xanh, số máy: E3S1E033043, số khung: 1340GY009181; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Minh T3; 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 66G1-374.56, mang tên Lê

Minh T3. Là tài sản bị mất trộm của ông T3. Ngày 07 tháng 5 năm 2024 Cơ quan điều tra trả lại cho ông T3.

- 01 (một) xe mô tô, biển số 66L3-8419, nhãn hiệu SYM, số máy: VZS152FMH218499; số khung: RMVWCH4MV61218499 (đã qua sử dụng). Là tài sản của chị Bùi Thị N đứng tên chủ sở hữu, khi bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội thì chị N không biết. Ngày 24 tháng 5 năm 2024 Cơ quan điều tra trả lại cho chị N.

- 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 thẻ Ngân hàng S; 01 thẻ Visa Ngân hàng V, tất cả đều mang tên Lê Văn G; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị H; 01 cái ví da màu đen. Bị cáo nhật được của anh Lê Văn G đánh rơi. Ngày 07 tháng 5 năm 2024 Cơ quan điều tra trả lại cho anh G.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A70 màu trắng, có gắn số sim 0921.038.598 và 0901.038.599; 01 nón mũ bảo hiểm màu vàng, có vành lưới trai màu đen; Tiền Việt Nam: 800.000 đồng. Là tài sản của bị cáo, trong quá trình điều tra chứng minh được không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 24 tháng 5 năm 2024 Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T3 đã nhận lại tài sản và tài sản bị mất giá trị không lớn, không yêu cầu bồi thường, không đặt ra xem xét.

Tại Cáo trạng truy tố số 31/CT-VKSHN ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Trường T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không đề cập đến.

Đối với bị cáo T đem xe mô tô về nhà anh Nguyễn Hoàng N1 (anh rể của T) cất giấu, thì anh N1 không biết tài sản do phạm tội mà có và giao nộp xe mô tô cho Cơ quan điều tra, nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức án phù hợp để làm lại cuộc đời, hứa không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Trường T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 66G1-374.56, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter FI, màu sơn trắng xanh; 01 (một) ví da màu đen, tổng trị giá tài sản 6.505.000 đồng của Lê Minh T3, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Bùi Trường T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Bùi Trường T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có tiền án về tội trộm cắp tài sản, đã nhiều lần bị kết án và vừa mới chấp hành xong án phạt tù nhưng lại tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo có thói quen phạm tội và chưa thể hiện sự cải tạo sau khi chấp hành xong các hình phạt trước đây cho thấy mức độ nguy hiểm của bị cáo cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành

công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo có nhân thân rất xấu nhiều lần bị xử phạt tù, có tiền án về tội trộm cắp tài sản, vừa mới chấp hành xong án phạt tù nhưng lại tiếp tục phạm tội như đã nêu trên.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhận thấy bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, để bị cáo sớm có cơ hội về làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[11] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong, phù hợp nên không đề cập đến.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận. Những vấn đề khác Cáo trạng không đề cập, nên không xem xét.

[15] Qua vụ án này thấy rằng, xe của bị hại bị trộm là để nguyên chìa khóa trên xe, không trông coi cẩn thận, tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án đề nghị người dân cần phải bảo quản tài sản cẩn thận, đề cao cảnh giác không để kẻ trộm có cơ hội tiếp cận lấy tài sản của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Trường T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Trường T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Trường T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 7 năm 2024). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình